

Số: 916 /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 118/2025/NĐ-CP thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định 1822/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 Bộ Nông nghiệp và môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-TTPVHCC ngày 17/6/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Công văn số 8763/SNNMT-VP ngày 25/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, trong đó: 01 quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; 01 quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Các quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được ban hành tại số thứ tự 1, 4, 5 Mục Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; số thứ tự 1, 4 Mục Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã Phần III Phụ lục I và nội dung tương ứng tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 551/QĐ-TTPVHCC ngày 22/4/2026 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KS TTHC- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và môi trường;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
- TTPVHCC: GD, PGD, các phòng, đơn vị, chi nhánh/Điểm hỗ trợ DVC số;
- Lưu: VT, KSTTHC.

GIÁM ĐỐC



Phan Văn Phúc

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

1. Quy trình nội bộ giải quyết Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (01 TTHC)

STT	Tên TTHC	Ký hiệu
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733)	QT-01.T

2. Quy trình nội bộ giải quyết Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã (01 TTHC)

STT	Tên TTHC	Ký hiệu
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733)	QT-01.X

Phụ lục II
NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)*

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

I. Quy trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Quy trình thẩm định các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1.1. Sơ đồ khung: Thời hạn giải quyết 20 ngày theo quy định tại điểm b khoản 5 Mục II phần B Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ

Trách nhiệm thực hiện	Quy trình thực hiện	Mô tả
Tổ chức/cá nhân đề nghị	Trả hồ sơ Nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM	2.1
TTPVHCC	Tiếp nhận hồ sơ TTHC Tạo hồ sơ TTHC Hồ sơ hợp lệ Hồ sơ không hợp lệ/ Yêu cầu bổ sung hồ sơ	2.1
LĐ Sở NNMT, LĐ PCM	Phân công, chỉ đạo CV xử lý	2.1
CV xử lý trực tiếp	Có căn cứ không thụ lý hồ sơ Thẩm định hồ Gửi thông báo Thu phí/Trình thành lập Hội đồng Thẩm	2.2
PCM	Tổ chức khảo sát thực địa (trong trường hợp cần thiết)	2.3

PCM		2.4
PCM, LĐ Sở NNMT, TTPVHCC		2.5

1.2. Mô tả

Bước 1: Tiếp nhận và phân công xử lý hồ sơ

Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

- TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ trực tiếp của tổ chức/cá nhân đề nghị hoặc tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc tiếp nhận thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; trả hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc lập phiếu tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả tới tổ chức/cá nhân và chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn (PCM) thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (SNN&MT) xử lý trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, đồng thời thực hiện thao tác chuyển trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

Hồ sơ đề nghị thẩm định:

+ 01 văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TTBNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025)

+ 01 báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

- Chuyển hồ sơ về PCM để Lãnh đạo (LĐ) phân công xử lý. LĐ PCM phân công xử lý hồ sơ thông qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ do Chuyên viên (CV) tiếp nhận tại TTPVHCC.

- Thời hạn giải quyết: 01 ngày.

Bước 2: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ, thành lập hội đồng (TLHD) thẩm định và lấy ý kiến cơ quan/tổ chức/ chuyên gia (trong trường hợp cần thiết)

CV xử lý: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ; kiểm tra thẩm quyền thẩm định và sự phù hợp của dự án với các quy hoạch liên quan theo quy định.

*** Trường hợp 1. Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết:** Dự án có thông tin chưa phù hợp với quy định của pháp luật như: không đúng đối tượng thẩm định, không đúng thẩm quyền thẩm định hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường v.v...

- CV xử lý: Dự thảo Báo cáo Lãnh đạo Sở về việc hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; Phiếu trình, Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Báo cáo, Phiếu trình, Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

- LĐ Sở: xem xét các nội dung Báo cáo về việc Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết của PCM, ký Báo cáo theo đề xuất của PCM.

- Chánh VP Sở: rà soát hồ sơ trình và ký Phiếu trình, Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết;

- Văn thư Sở: phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết ngay sau khi Chánh VP Sở ký và chuyển TTPVHCC để gửi tới tổ chức, cá nhân.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày.

*** Trường hợp 2. Hồ sơ yêu cầu Thông báo bổ sung:**

- CV xử lý: Dự thảo Báo cáo Lãnh đạo Sở về việc bổ sung hồ sơ và Dự thảo Phiếu trình, Thông báo về việc bổ sung hồ sơ trình LĐ PCM

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Báo cáo, Phiếu trình, Thông báo về việc bổ sung hồ sơ.

- LĐ Sở: xem xét các nội dung Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ của PCM, ký Báo cáo theo đề xuất của PCM.

- Chánh VP Sở: rà soát hồ sơ trình và ký Phiếu trình, Thông báo về việc bổ sung hồ sơ.

- Văn thư Sở: phát hành Thông báo về việc bổ sung hồ sơ ngay sau khi Chánh VP Sở ký và chuyển TTPVHCC để gửi tới tổ chức, cá nhân.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày.

- Tiếp nhận hồ sơ bổ sung; bàn giao hồ sơ, chuyển hồ sơ đã nhận từ Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về phòng chuyên môn để tiếp tục xử lý hồ sơ.

+ *Nếu hồ sơ bổ sung vẫn không đủ điều kiện giải quyết thì thực hiện trả hồ sơ như **Trường hợp 1 Bước 2.***

+ *Nếu hồ sơ bổ sung đã đủ điều kiện giải quyết thì tiếp tục thực hiện **Trường hợp 3** và phải đảm bảo số ngày giải quyết toàn bộ công việc nêu trên không vượt số ngày theo quy định cho **Trường hợp 3.***

*** Trường hợp 3. Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:**

- CV xử lý: Dự thảo các Văn bản sau trình LĐ PCM: Văn bản thông báo thu phí thẩm định; Phiếu trình TLHĐ và dự thảo Quyết định TLHĐ thẩm định báo cáo ĐTM; các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia (trong trường hợp cần thiết).

+ Yêu cầu:

Đối với các hồ sơ ĐTM có nội dung khai thác nước mặt, các dự án khai thác khoáng sản, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND Thành

phổ hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (SNN&MT) đơn vị được uỷ quyền, xả nước thải vào công trình thủy lợi, thành viên hội đồng thẩm định phải bao gồm đại diện từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Đối với các hồ sơ ĐTM có sử dụng phương pháp mô hình hóa để dự báo tác động, thành phần hội đồng phải bao gồm các chuyên gia về loại mô hình tương ứng.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Văn bản/phiếu trình để trình LĐ SNN&MT.

- LĐ SNN&MT: xem xét, ký Văn bản thông báo thu phí thẩm định, các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia (nếu có), Phiếu trình TLHĐ thẩm định và Quyết định TLHĐ thẩm định.

- Văn thư Sở: phát hành các Văn bản ngay sau khi LĐ SNN&MT ký gửi tổ chức, cá nhân. **Chuyển sang thực hiện Bước 3**

Thời hạn giải quyết: 06 ngày.

Bước 3. Gửi hồ sơ và tổ chức khảo sát thực địa

- Thư ký Hội đồng (TKHĐ):

+ Dự thảo Văn bản gửi cơ quan/tổ chức cử đại diện tham gia Hội đồng đối với trường hợp có đại diện là ủy viên theo Quyết định TLHĐ.

+ Gửi hồ sơ tới các ủy viên Hội đồng thẩm định;

+ Dự thảo Thông báo kế hoạch khảo sát thực địa tới Chủ dự án, mời các cá nhân có liên quan tham gia khảo sát thực địa, phân công Trưởng đoàn khảo sát.

(Các dự án không tổ chức khảo sát thực tế, gồm: Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công; dự án khai thác dầu thô, khí đốt tự nhiên ngoài khơi; dự án xây dựng hạ tầng viễn thông hoặc tuyến đường dây tải điện; dự án thực hiện tại khu vực đang xảy ra dịch bệnh, thiên tai, hiện tượng thời tiết bất thường trong thời gian thẩm định; dự án khác do cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định xem xét, quyết định)

+ Đầu mối tổ chức việc khảo sát thực địa theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt; lập biên bản khảo sát (BBKS).

+ Yêu cầu: Trường hợp kết quả khảo sát cho thấy mô tả về hiện trạng khu vực thực hiện dự án trong hồ sơ không đúng với thực tế hoặc phát hiện hành vi vi phạm của Chủ dự án liên quan đến phạm vi, nhiệm vụ của Đoàn khảo sát, TKHĐ dự thảo Văn bản yêu cầu Chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ phản ánh đúng hiện trạng dự án, trình LĐ Sở để gửi Chủ dự án để làm căn cứ tiếp tục xem xét, thẩm định hồ sơ. **Thực hiện bổ sung hồ sơ như Trường hợp 2 Bước 2.**

- Trưởng Đoàn khảo sát (trong trường hợp phải tổ chức khảo sát thực địa):

+ Chủ trì tổ chức việc khảo sát thực địa theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Trường hợp có các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền xử lý, phải chủ động báo cáo ngay với LĐ Sở NN&MT để xem xét, chỉ đạo.

+ Ký BBKS và chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát.

+ Yêu cầu: trong quá trình khảo sát, nếu phát hiện hành vi vi phạm của Chủ dự án có liên quan đến phạm vi, nhiệm vụ của đoàn khảo sát, Trưởng đoàn khảo sát có trách nhiệm lập BBVPHC đối với Chủ dự án và chuyển cho người có thẩm quyền xử lý vi

phạm; trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp, ghi nhận rõ sự việc trong BBKS để báo cáo LĐ SNN&MT chỉ đạo, xử lý theo quy định.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Kế hoạch khảo sát, Văn bản gửi cơ quan/tổ chức cử đại diện tham gia Hội đồng (nếu có) để trình LĐ SNN&MT xem xét, quyết định.

- LĐ Sở NN&MT: xem xét, ký Kế hoạch khảo sát, Văn bản gửi cơ quan/tổ chức cử đại diện tham gia Hội đồng (nếu có); chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh do Trưởng đoàn khảo sát báo cáo trong quá trình khảo sát thực địa (nếu có).

- Văn thư Sở: phát hành các Văn bản ngay sau khi LĐ SNN&MT ký gửi tổ chức, cá nhân (nếu có)

- Thời hạn giải quyết: 04 ngày.

Bước 4: Họp thẩm định báo cáo ĐTM

- TKHĐ:

- + Dự thảo giấy mời tham dự các phiên họp kỹ thuật (trong trường hợp cần thiết) trình LĐ SNN&MT (nêu rõ sự cần thiết và mục đích của phiên họp kỹ thuật); đầu mỗi tổ chức phiên họp kỹ thuật sau khi được LĐ SNN&MT phê duyệt; lập biên bản phiên họp kỹ thuật. Việc tổ chức phiên họp kỹ thuật được tiến hành đối với các dự án phức tạp, đòi hỏi phải xem xét đánh giá nhiều hạng mục, nhằm xin ý kiến các chuyên gia, đại diện cơ quan có liên quan về một số nội dung cần chú ý của dự án;

- + Dự thảo giấy mời tham dự phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định trình LĐ PCM; đầu mỗi tổ chức phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định; lập biên bản họp Hội đồng thẩm định theo mẫu quy định.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của TKHĐ; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy các Giấy mời để trình LĐ SNN&MT xem xét, quyết định.

- LĐ SNN&MT: xem xét, phê duyệt và ký giấy mời tham dự các phiên họp kỹ thuật (trong trường hợp cần thiết); ký giấy mời tham dự phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định.

- Văn thư Sở: phát hành các Giấy mời ngay sau khi LĐ SNN&MT ký gửi tổ chức, cá nhân có liên quan.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày.

Bước 5: Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM

- TKHĐ:

- + Chuẩn bị Hồ sơ thẩm định bao gồm: Biên bản kiểm tra, khảo sát thực tế (nếu có); Biên bản phiên họp kỹ thuật (nếu có); Biên bản họp Hội đồng thẩm định; Văn bản góp ý của cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có); Bản nhận xét của thành viên Hội đồng thẩm định

- + Dự thảo Văn bản thông báo kết quả thẩm định (KQTĐ) gửi Chủ dự án.

- + Trình dự thảo Văn bản thông báo KQTĐ, cùng với hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của TKHĐ; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Văn bản thông báo KQTĐ để trình LĐ SNN&MT xem xét, quyết định.

- LĐ SNN&MT: xem xét ký Văn bản thông báo KQTĐ báo cáo ĐTM.
- Văn thư Sở: phát hành Văn bản ngay sau khi LĐ SNN&MT ký để gửi tổ chức, cá nhân.

Thời hạn giải quyết: 04 ngày.

* *Lưu ý:*

- Tổng thời gian xử lý tại các bước nêu trên không được vượt quá thời gian xử lý TTHC theo quy định.

- Xử lý theo kết quả thẩm định:

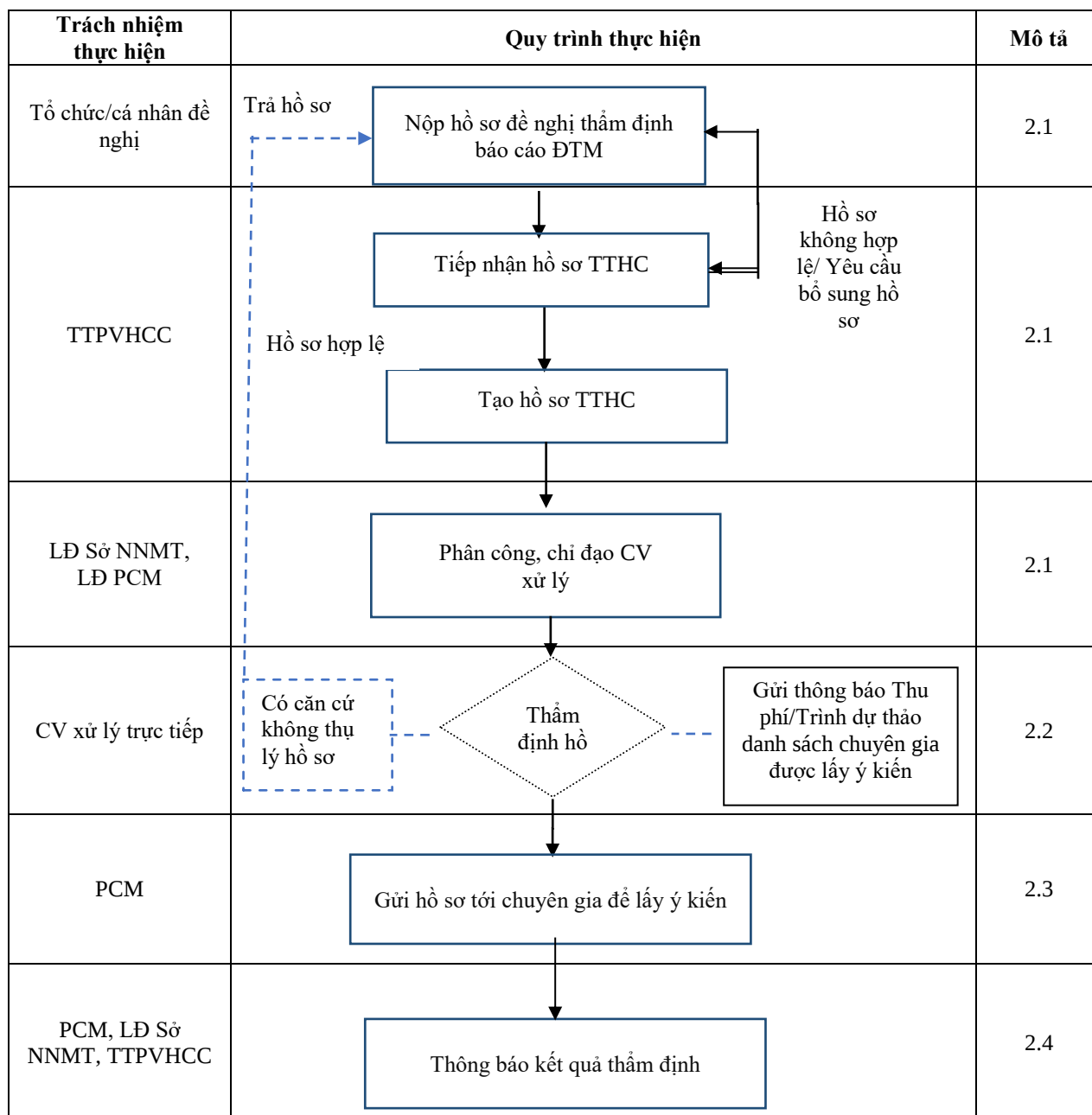
+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:*** Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo Cơ quan thẩm định để xem xét, trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định; ***chuyển sang Quy trình nội bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM không thực hiện Bước 5: Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM***

+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:*** Cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức/cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung. Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, tổ chức/cá nhân hoàn thiện và gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định; ***sau khi tiếp nhận hồ sơ thì thực hiện Quy trình nội bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.***

+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM không thông qua:*** Cơ quan thẩm định ban hành Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM không thông qua, trong đó nêu rõ lý do không thông qua theo kết luận của Hội đồng thẩm định; ***chuyển TTPVHCC để trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và cập nhật trạng thái kết thúc xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.*** Trường hợp tổ chức/cá nhân có nhu cầu tiếp tục thực hiện thủ tục hành chính đối với dự án thì lập, hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM mới theo quy định.

2. Quy trình thẩm định các dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công (thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường) được thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng hình thức lấy ý kiến.

2.1. Sơ đồ khung: Thời hạn giải quyết 10 ngày (điểm c khoản 5 Mục II phần B Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ)



2.2. Mô tả:

Bước 1: Tiếp nhận và phân công xử lý hồ sơ

Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

- TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ trực tiếp của tổ chức/cá nhân đề nghị hoặc tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc tiếp nhận thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; trả hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn (PCM) thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (SNN&MT) xử lý trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, đồng thời thực hiện thao tác chuyển trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

Hồ sơ đề nghị thẩm định:

+ 01 văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TTBNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025)*)

+ 01 báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư (*mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*)

- Chuyển hồ sơ về PCM để Lãnh đạo (LD) phân công xử lý. LD PCM phân công xử lý hồ sơ thông qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ do Chuyên viên (CV) tiếp nhận tại TTPVHCC.

- Thời hạn giải quyết: 01 ngày.

Bước 2: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ, thành lập hội đồng (TLHD) thẩm định và lấy ý kiến cơ quan/tổ chức/ chuyên gia (trong trường hợp cần thiết)

CV xử lý: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ; kiểm tra thẩm quyền thẩm định và sự phù hợp của dự án với các quy hoạch liên quan theo quy định.

*** Trường hợp 1. Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết:** Dự án có thông tin chưa phù hợp với quy định của pháp luật như: không đúng đối tượng thẩm định, không đúng thẩm quyền thẩm định hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường v.v...

- CV xử lý: Dự thảo Báo cáo Lãnh đạo Sở về việc hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết; Phiếu trình, Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

- LD PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Báo cáo, Phiếu trình, Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

- LD Sở: xem xét các nội dung Báo cáo về việc Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết của PCM, ký Báo cáo theo đề xuất của PCM.

- Chánh VP Sở: rà soát hồ sơ trình và ký Phiếu trình, Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết;

+ Văn thư Sở: phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết ngay sau khi Chánh VP Sở ký và chuyển TTPVHCC để gửi tới tổ chức, cá nhân.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày.

*** Trường hợp 2. Hồ sơ yêu cầu Thông báo bổ sung:**

- CV xử lý: Dự thảo Báo cáo Lãnh đạo Sở về việc bổ sung hồ sơ và Dự thảo Phiếu trình, Thông báo về việc bổ sung hồ sơ trình LĐ PCM

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Báo cáo, Phiếu trình, Thông báo về việc bổ sung hồ sơ.

- LĐ Sở: xem xét các nội dung Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ của PCM, ký Báo cáo theo đề xuất của PCM.

- Chánh VP Sở: rà soát hồ sơ trình và ký Phiếu trình, Thông báo về việc bổ sung hồ sơ.

- Văn thư Sở: phát hành Thông báo về việc bổ sung hồ sơ ngay sau khi Chánh VP Sở ký và chuyển TTPVHCC để gửi tới tổ chức, cá nhân.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày.

- Tiếp nhận hồ sơ bổ sung; bàn giao hồ sơ, chuyển hồ sơ đã nhận từ Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về phòng chuyên môn để tiếp tục xử lý hồ sơ.

+ *Nếu hồ sơ bổ sung vẫn không đủ điều kiện giải quyết thì thực hiện trả hồ sơ như **Trường hợp 1 Bước 2.***

+ *Nếu hồ sơ bổ sung đã đủ điều kiện giải quyết thì tiếp tục thực hiện **Trường hợp 3** và phải đảm bảo số ngày giải quyết toàn bộ công việc nêu trên không vượt số ngày theo quy định cho **Trường hợp 3.***

*** Trường hợp 3. Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:** các thông tin của hồ sơ đã phù hợp.

Phê duyệt danh sách chuyên gia lấy ý kiến; Các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia (trong trường hợp cần thiết).

- CV xử lý: dự thảo các Văn bản sau trình LĐ SNN&MT (qua LĐ PCM và VP SNN&MT): Văn bản thông báo thu phí thẩm định; dự thảo Quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia lấy ý kiến; Các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia (trong trường hợp cần thiết).

+ Yêu cầu:

Đối với các hồ sơ ĐTM có nội dung khai thác nước mặt, các dự án khai thác khoáng sản, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND Thành phố hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (SNN&MT) đơn vị được uỷ quyền, xả nước thải vào công trình thủy lợi danh sách chuyên gia lấy ý kiến phải bao gồm đại diện từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Đối với các hồ sơ ĐTM có sử dụng phương pháp mô hình hóa để dự báo tác động, thành phần hội đồng phải bao gồm các chuyên gia về loại mô hình tương ứng.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy các văn bản: Văn bản thông báo thu phí thẩm định; dự thảo Quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia lấy ý kiến; Các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia (trong trường hợp cần thiết) để trình LĐ SNN&MT xem xét, quyết định.

- LĐ SNN&MT: xem xét, ký các văn bản: Văn bản thông báo thu phí thẩm định; dự thảo Quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia lấy ý kiến; Các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia (trong trường hợp cần thiết).

- Văn thư Sở: phát hành các Văn bản thẩm định ngay sau khi LĐ SNN&MT ký để gửi tổ chức, cá nhân có liên quan. **Chuyển sang thực hiện Bước 3**

Thời hạn giải quyết: 03 ngày.

Bước 3. Gửi hồ sơ tới các chuyên gia lấy ý kiến

- CV xử lý: gửi hồ sơ tới các chuyên gia theo Quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia lấy ý kiến của SNN&MT.

- Các chuyên gia: gửi cơ quan thẩm định bản nhận xét về hồ sơ trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Thời hạn giải quyết: 3,5 ngày.

Bước 4: Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM

- CV xử lý: chuẩn bị hồ sơ thẩm định bao gồm: các ý kiến của cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có); dự thảo Văn bản thông báo KQTD gửi Chủ dự án (kèm theo các tài liệu liên quan). Trình dự thảo Văn bản thông báo KQTD cùng với các tài liệu liên quan.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Văn bản thông báo KQTD để trình LĐ SNN&MT xem xét, quyết định.

- LĐ SNN&MT: xem xét ký Văn bản thông báo KQTD báo cáo ĐTM.

- Văn thư Sở: phát hành Văn bản ngay sau khi LĐ SNN&MT ký để gửi cho tổ chức/cá nhân.

Thời hạn giải quyết: 2,5 ngày.

** Lưu ý:*

- Tổng thời gian xử lý tại các bước nêu trên không được vượt quá thời gian xử lý TTHC theo quy định.

- Xử lý theo kết quả thẩm định:

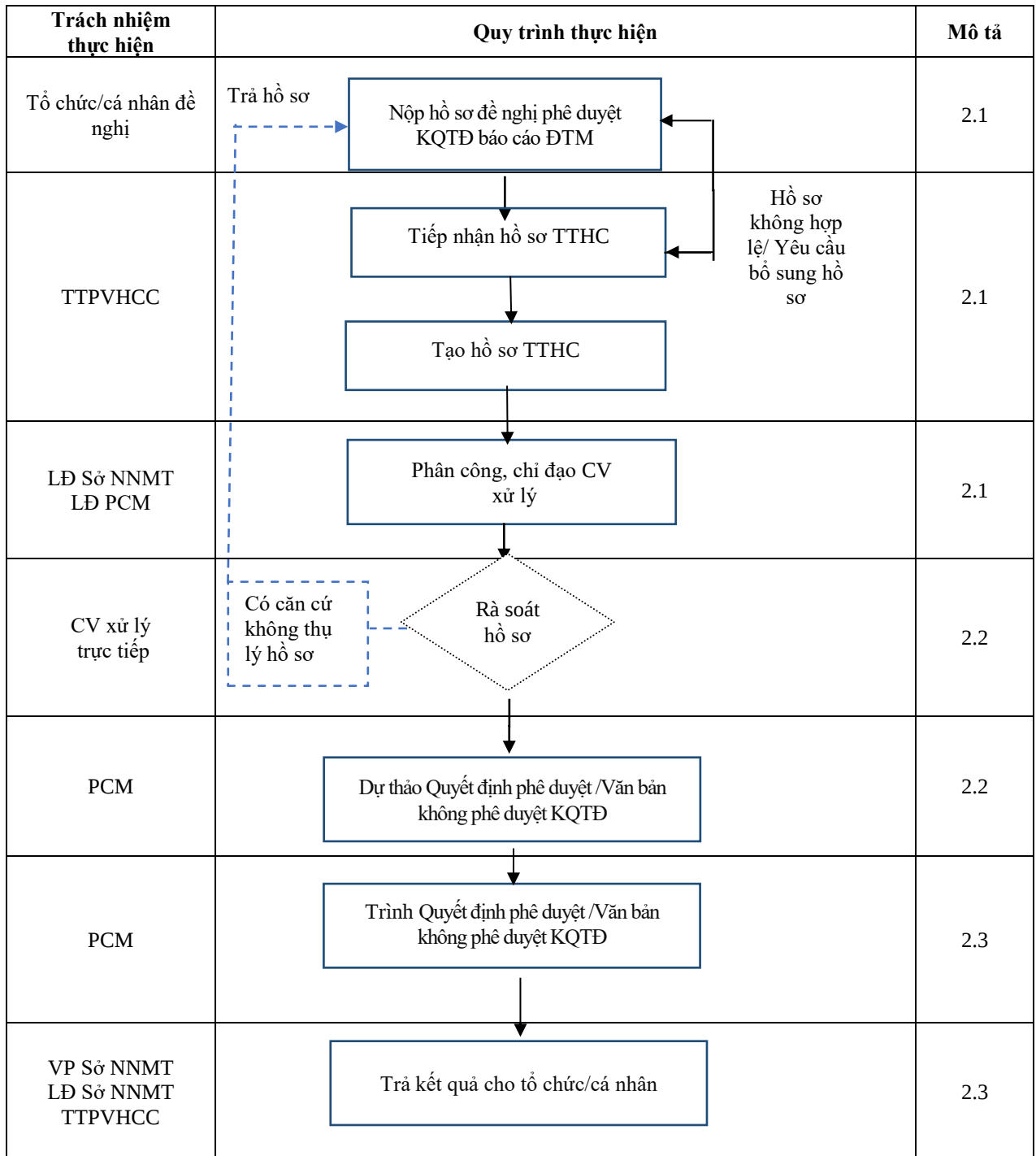
+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:*** Cơ quan thẩm định để xem xét, trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định; ***chuyển sang Quy trình nội bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM không thực hiện Bước 4: Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM***

+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:*** Cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức/cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung. Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, tổ chức/cá nhân hoàn thiện và gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định; ***sau khi tiếp nhận hồ sơ thì thực hiện Quy trình nội bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.***

+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM không thông qua:*** Cơ quan thẩm định ban hành Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM không thông qua, trong đó nêu rõ lý do không thông qua theo ý kiến chuyên gia; ***chuyển TTPVHCC để trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và cập nhật trạng thái kết thúc xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.*** Trường hợp tổ chức/cá nhân có nhu cầu tiếp tục thực hiện thủ tục hành chính đối với dự án thì lập, hoàn

II. Quy trình nội bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Sơ đồ Khung:



2. Mô tả

Quy trình này áp dụng đối với hồ sơ đã có kết quả thẩm định là thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung và tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định. Không áp dụng đối với trường hợp báo cáo ĐTM đã có kết quả thẩm định là không thông qua.

2.1. Trường hợp kết quả thẩm định là thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung
(Thời hạn giải quyết là 07 ngày kể từ ngày tổ chức phiên họp hội đồng thẩm định)

theo quy định tại khoản 1 Điều 13d Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT được sửa đổi tại Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

Bước 1: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ, lấy ý kiến (trong trường hợp cần thiết) và trình dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM

- CV xử lý: dự thảo các Văn bản sau trình LĐ PCM: phiếu trình, báo cáo kết quả thẩm định của PCM và dự thảo Quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM.

- Yêu cầu: LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy phiếu trình, báo cáo kết quả thẩm định của PCM và dự thảo Quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM.

Thời hạn giải quyết: 4,5 ngày.

Bước 2. Ban hành quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM

- LĐ SNN&MT: xem xét ký các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia phục vụ công tác phê duyệt (trong trường hợp cần thiết); phiếu trình, dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

LĐ SNN&MT: phát hành các Văn bản ngay sau khi LĐ SNN&MT ký, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân thông qua TTPVHCC.

- Thời hạn giải quyết: 2,5 ngày.

Lưu ý: Tổng thời gian xử lý tại các bước nêu trên không được vượt quá thời gian xử lý TTHC theo quy định.

2.2. Trường hợp kết quả thẩm định là thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung (Thời hạn giải quyết 15 ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 13d Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT được sửa đổi tại Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

Bước 1: Tiếp nhận và phân công xử lý hồ sơ

Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

- TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ trực tiếp của tổ chức/cá nhân đề nghị hoặc tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc tiếp nhận thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; trả hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về PCM thuộc Sở NN&MT xử lý trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, đồng thời thực hiện thao tác chuyển trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng:

+ 01 văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 09a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TTBTNTM).

+ 01 báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyền, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục (nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục được chủ dự án ký số (nếu nộp trực tuyến).

- Chuyển hồ sơ về PCM để LĐ phân công xử lý.
- LĐ PCM phân công xử lý hồ sơ thông qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ do CV tiếp nhận tại TTPVHCC.

Thời hạn giải quyết: 01 ngày.

Bước 2: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ, lấy ý kiến (trong trường hợp cần thiết) và trình dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM

- CV xử lý: Rà soát hồ sơ và các nội dung của Văn bản giải trình của Chủ dự án; kiểm tra sự phù hợp của nội dung báo cáo ĐTM so với yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện của Hội đồng thẩm định, phù hợp với các Văn bản quy phạm pháp luật (cấu trúc báo cáo, tham vấn cộng đồng, các căn cứ pháp lý,...).

+ **Trường hợp 1** hồ sơ dự án chưa chỉnh sửa, hoàn thiện bảo đảm đủ điều kiện để phê duyệt (Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết). **Thực hiện như Trường hợp 1 Bước 2-Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.**

+ **Trường hợp còn lại:** CV xử lý: dự thảo các Văn bản sau trình LĐ PCM: các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia phục vụ công tác phê duyệt (trong trường hợp cần thiết); phiếu trình và dự thảo Quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM.

+ Yêu cầu:

Đối với các hồ sơ ĐTM có nội dung xả nước thải vào công trình thủy lợi, theo quy định, CV phải dự thảo Văn bản xin ý kiến cơ quan quản lý nhà nước quản lý công trình thủy lợi. CV xử lý tham mưu thời điểm gửi Văn bản xin ý kiến bảo đảm tiến độ xử lý hồ sơ theo quy định.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia phục vụ công tác phê duyệt (trong trường hợp cần thiết); phiếu trình, dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Thời hạn giải quyết: 9,5 ngày.

Bước 3. Ban hành quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM

- LĐ SNN&MT: xem xét ký các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia phục vụ công tác phê duyệt (trong trường hợp cần thiết); phiếu trình, dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

LĐ SNN&MT: phát hành các Văn bản ngay sau khi LĐ SNN&MT ký, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân thông qua TTPVHCC.

- Thời hạn giải quyết: 4,5 ngày.

Lưu ý: Tổng thời gian xử lý tại các bước nêu trên không được vượt quá thời gian xử lý TTHC theo quy định.

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ.

I. Quy trình (1.010733): Quy trình thẩm định các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã ((đối với các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư của UBND cấp xã (bao gồm cả trường hợp được ủy quyền)) (QT-01.X)

1. Sơ đồ Khung: Thời hạn giải quyết 20 ngày theo quy định tại điểm b khoản 5 Mục II phần B Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ

Trách nhiệm thực hiện	Quy trình thực hiện	Mô tả
Tổ chức/cá nhân đề nghị	Nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM	2.1
TTPVHCC	Tiếp nhận hồ sơ TTHC Tạo hồ sơ TTHC	2.1
LĐ UBND cấp xã, LĐ PCM	Phân công, chỉ đạo CV xử lý	2.1
CV xử lý trực tiếp	Thẩm định hồ Gửi thông báo Thu phí/Trình thành lập Hội đồng Thẩm	2.2
PCM	Tổ chức khảo sát thực địa (trong trường hợp cần thiết)	2.3
PCM	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định	2.4
PCM LĐ UBND cấp xã TTPVHCC	Thông báo kết quả thẩm định	2.5

2. Mô tả

Bước 1: Tiếp nhận và phân công xử lý hồ sơ

Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

- TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ trực tiếp của tổ chức/cá nhân đề nghị hoặc tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc tiếp nhận thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; trả hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn (PCM) thuộc UBND cấp xã xử lý trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, đồng thời thực hiện thao tác chuyển trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

- Chuyển hồ sơ về PCM để Lãnh đạo (LD) phân công xử lý. LD PCM phân công xử lý hồ sơ thông qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ do Chuyên viên (CV) tiếp nhận tại TTPVHCC.

- Thời hạn giải quyết: 01 ngày.

Bước 2: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ, thành lập hội đồng (TLHD) thẩm định và lấy ý kiến cơ quan/tổ chức/ chuyên gia (trong trường hợp cần thiết)

CV xử lý: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ; kiểm tra thẩm quyền thẩm định và sự phù hợp của dự án với các quy hoạch liên quan theo quy định.

*** Trường hợp 1. Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết:** Dự án có thông tin chưa phù hợp với quy định của pháp luật như: không đúng đối tượng thẩm định, không đúng thẩm quyền thẩm định hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường v.v...

+ Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình LD PCM.

+ LD PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

+ LD UBND Xã: xem xét các nội dung ký Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

- Văn thư UBND Xã: phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết ngay sau khi Lãnh đạo Xã ký và chuyển TTPVHCC để gửi tới tổ chức, cá nhân.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày.

* Trường hợp 2. Hồ sơ yêu cầu Thông báo bổ sung:

- CV xử lý: dự thảo Thông báo về việc bổ sung hồ sơ trình LD PCM

- LD PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Thông báo để trình LD UBND Xã.

- LD UBND Xã: rà soát hồ sơ trình ký Thông báo về việc bổ sung hồ sơ.

- Văn thư UBND Xã: phát hành Thông báo về việc bổ sung hồ sơ ngay sau khi LD UBND Xã ký và chuyển TTPVHCC để gửi tới tổ chức, cá nhân.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày.

- Tiếp nhận hồ sơ bổ sung; bàn giao hồ sơ, chuyển hồ sơ đã nhận từ Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về phòng chuyên môn để tiếp tục xử lý hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ bổ sung vẫn không đủ điều kiện giải quyết thì thực hiện trả hồ sơ như **Trường hợp 1 Bước 2**.

+ Nếu hồ sơ bổ sung đã đủ điều kiện giải quyết thì tiếp tục thực hiện **Trường hợp 3** và phải đảm bảo số ngày giải quyết toàn bộ công việc nêu trên không vượt số ngày theo quy định cho **Trường hợp 3**.

***Trường hợp 3. Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:**

Thành lập hội đồng (TLHD) thẩm định và lấy ý kiến cơ quan/tổ chức/ chuyên gia (trong trường hợp cần thiết)

- CV xử lý: Dự thảo các Văn bản sau trình LĐ PCM: Văn bản thông báo thu phí thẩm định; Phiếu trình TLHD và dự thảo Quyết định TLHD thẩm định báo cáo ĐTM; Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia (trong trường hợp cần thiết).

+ Yêu cầu:

Đối với các hồ sơ ĐTM có nội dung khai thác nước mặt, các dự án khai thác khoáng sản, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND Thành phố hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (SNN&MT) đơn vị được uỷ quyền, xả nước thải vào công trình thủy lợi, thành viên hội đồng thẩm định phải bao gồm đại diện từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Đối với các hồ sơ ĐTM có sử dụng phương pháp mô hình hóa để dự báo tác động, thành phần hội đồng phải bao gồm các chuyên gia về loại mô hình tương ứng.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Văn bản/phiếu trình để trình LĐ UBND Xã xem xét, quyết định.

- LĐ UBND Xã: xem xét, ký Văn bản thông báo thu phí thẩm định, các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia (nếu có), Phiếu trình TLHD thẩm định, Quyết định TLHD thẩm định.

- Văn thư UBND Xã: phát hành các Văn bản ngay sau khi LĐ UBND Xã ký chuyển cho tổ chức, cá nhân thông qua TTPVHCC. **Chuyển sang thực hiện Bước 3**

Thời hạn giải quyết: 06 ngày.

Bước 3. Gửi hồ sơ

- Thư ký Hội đồng (TKHD): Dự thảo Văn bản gửi cơ quan/tổ chức cử đại diện tham gia Hội đồng đối với trường hợp có đại diện là ủy viên theo Quyết định TLHD kèm theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án; gửi hồ sơ tới các thành viên Hội đồng thẩm định;

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Văn bản gửi cơ quan/tổ chức cử đại diện tham gia Hội đồng (nếu có).

- LĐ UBND Xã: xem xét, ký Văn bản gửi cơ quan/tổ chức cử đại diện tham gia Hội đồng (nếu có).

- Văn thư UBND Xã: phát hành các Văn bản ngay sau khi LĐ UBND Xã ký chuyển cho tổ chức, cá nhân (nếu có)

Thời hạn giải quyết: 04 ngày.

Bước 4: Hợp thẩm định báo cáo ĐTM

- CV xử lý/TKHD:

+ Dự thảo giấy mời tham dự các phiên họp kỹ thuật (trong trường hợp cần thiết) trình LĐ UBND Xã (nêu rõ sự cần thiết và mục đích của phiên họp kỹ thuật); đầu mỗi tổ chức phiên họp kỹ thuật sau khi được LĐ UBND Xã phê duyệt; lập biên bản phiên họp kỹ thuật. Việc tổ chức phiên họp kỹ thuật được tiến hành đối với các dự án phức tạp, đòi hỏi phải xem xét đánh giá nhiều hạng mục, nhằm xin ý kiến các chuyên gia, đại diện cơ quan có liên quan về một số nội dung cần chú ý của dự án;

+ Dự thảo giấy mời tham dự phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định trình LĐ PCM; đầu mỗi tổ chức phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định; lập biên bản họp Hội đồng thẩm định theo mẫu quy định.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Giấy mời để trình LĐ UBND Xã xem xét, quyết định.

- LĐ UBND Xã: xem xét, phê duyệt và ký giấy mời tham dự các phiên họp kỹ thuật (trong trường hợp cần thiết) và giấy mời tham dự phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định.

- Văn thư UBND Xã: phát hành các Giấy mời ngay sau khi LĐ UBND Xã ký.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày.

Bước 5: Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM

- TKHĐ:

+ Chuẩn bị báo cáo thẩm định bao gồm: Biên bản phiên họp kỹ thuật (nếu có); Biên bản họp Hội đồng thẩm định; Văn bản góp ý của cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có); Bản nhận xét của các thành viên Hội đồng.....

+ Dự thảo Văn bản thông báo kết quả thẩm định (KQTĐ) gửi Chủ dự án (kèm theo các tài liệu liên quan).

+ Trình dự thảo Văn bản thông báo KQTĐ, cùng với báo cáo thẩm định và các tài liệu liên quan.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của TKHĐ; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký nháy Văn bản thông báo KQTĐ để LĐ UBND Xã xem xét, quyết định.

- LĐ UBND Xã: xem xét ký Văn bản thông báo KQTĐ báo cáo ĐTM.

- Văn thư UBND Xã: phát hành Văn bản ngay sau khi được ký gửi TTPVHCC để gửi tổ chức, cá nhân..

Thời hạn giải quyết: 04 ngày.

* Lưu ý:

- Tổng thời gian xử lý tại các bước nêu trên không được vượt quá thời gian xử lý TTHC theo quy định.

- Xử lý theo kết quả thẩm định:

+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:*** Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo Cơ quan thẩm định để xem xét, trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định; ***chuyển sang Quy trình nội bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM không thực hiện Bước 5: Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM***

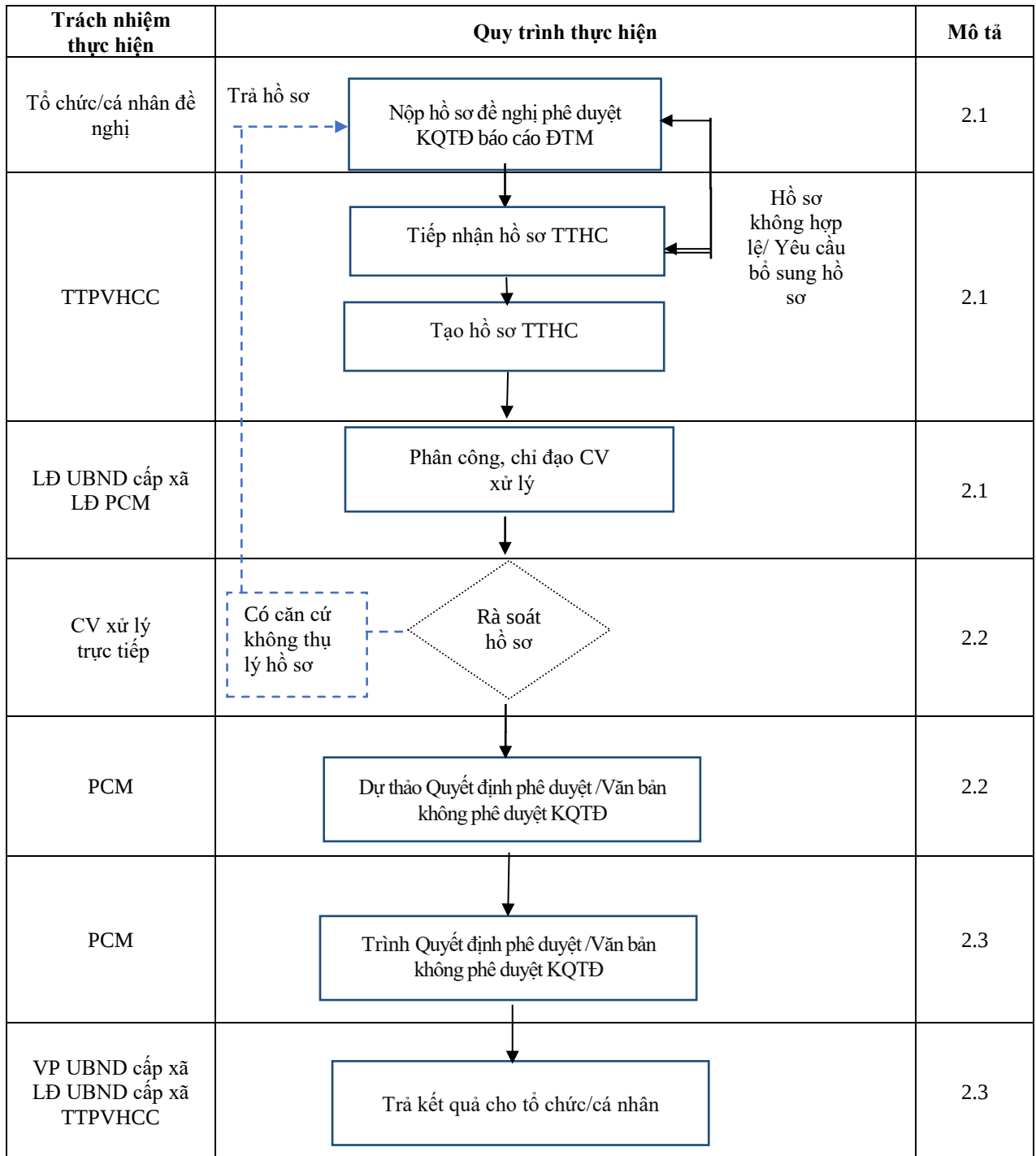
+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:*** Cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức/cá nhân để chỉnh sửa, bổ

sung. Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, tổ chức/cá nhân hoàn thiện và gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định; ***sau khi tiếp nhận hồ sơ thì thực hiện Quy trình nội bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.***

+ ***Trường hợp báo cáo ĐTM không thông qua:*** Cơ quan thẩm định ban hành Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM không thông qua, trong đó nêu rõ lý do không thông qua theo kết luận của Hội đồng thẩm định; ***chuyển TTPVHCC để trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và cập nhật trạng thái kết thúc xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.*** Trường hợp tổ chức/cá nhân có nhu cầu tiếp tục thực hiện thủ tục hành chính đối với dự án thì lập, hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM mới theo quy định.

II. Quy trình nội bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Sơ đồ Khung:



2. Mô tả

Quy trình này áp dụng đối với hồ sơ đã có kết quả thẩm định là thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung và tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định. Không áp dụng đối với trường hợp báo cáo ĐTM đã có kết quả thẩm định là không thông qua.

2.1. Trường hợp kết quả thẩm định là thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung (Thời hạn giải quyết là 07 ngày kể từ ngày tổ chức phiên họp hội đồng thẩm định)

theo quy định tại khoản 1 Điều 13d Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT được sửa đổi tại Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

Bước 1: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ, lấy ý kiến (trong trường hợp cần thiết) và trình dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM

- CV xử lý: dự thảo các Văn bản sau trình LĐ PCM: phiếu trình, Báo cáo kết quả thẩm định của PCM và dự thảo Quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM.

- Yêu cầu: LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký phiếu trình, Báo cáo kết quả thẩm định của PCM, ký nháy dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. **Chuyển sang thực hiện Bước 2**

Thời hạn giải quyết: 4,5 ngày.

Bước 2. Ban hành quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM

- LĐ UBND xã xem xét ký: phiếu trình, dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Văn thư UBND Xã: phát hành Văn bản ngay sau khi được ký, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân thông qua TTPVHCC hoặc đơn vị trả kết quả.

- Thời hạn giải quyết: 2,5 ngày.

Lưu ý: Tổng thời gian xử lý tại các bước nêu trên không được vượt quá thời gian xử lý TTHC theo quy định.

2.2. Trường hợp kết quả thẩm định là thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung (Thời hạn giải quyết là 15 ngày kể từ ngày tổ chức phiên họp hội đồng thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 13d Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT được sửa đổi tại Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

Bước 1: Tiếp nhận và phân công xử lý hồ sơ

Tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

- TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ trực tiếp của tổ chức/cá nhân đề nghị hoặc tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc tiếp nhận thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định; trả hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về PCM thuộc UBND cấp xã xử lý trong trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, đồng thời thực hiện thao tác chuyển trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

- Chuyển hồ sơ về PCM để LĐ phân công xử lý.

- LĐ PCM phân công xử lý hồ sơ thông qua hệ thống Dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ do CV tiếp nhận tại TTPVHCC.

- Thời hạn giải quyết: 01 ngày.

Bước 2: Nghiên cứu, rà soát hồ sơ, lấy ý kiến (trong trường hợp cần thiết) và trình dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM

- CV xử lý: Rà soát hồ sơ và các nội dung của Văn bản giải trình của Chủ dự án; kiểm tra sự phù hợp của nội dung báo cáo ĐTM so với yêu cầu chỉnh sửa, hoàn thiện

của Hội đồng thẩm định, phù hợp với các Văn bản quy phạm pháp luật (cấu trúc báo cáo, tham vấn cộng đồng, các căn cứ pháp lý,...).

+ **Trường hợp 1** hồ sơ dự án chưa chỉnh sửa, hoàn thiện bảo đảm đủ điều kiện để phê duyệt (Hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết). **Thực hiện như Trường hợp 1 Bước 2-Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

+ **Trường hợp còn lại:** dự thảo các Văn bản sau trình LĐ PCM: các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia phục vụ công tác phê duyệt (trong trường hợp cần thiết); phiếu trình và dự thảo Quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM.

+ Yêu cầu:

Đối với các hồ sơ ĐTM có nội dung xả nước thải vào công trình thủy lợi, theo quy định, CV phải dự thảo Văn bản xin ý kiến cơ quan quản lý nhà nước quản lý công trình thủy lợi. CV xử lý tham mưu thời điểm gửi Văn bản xin ý kiến bảo đảm tiến độ xử lý hồ sơ theo quy định.

- LĐ PCM: xem xét các nội dung đề xuất của CV xử lý; trường hợp thống nhất với các nội dung trình, ký phiếu trình, Báo cáo kết quả thẩm định của PCM, ký nháy dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. **Chuyển sang thực hiện Bước 3**

Thời hạn giải quyết: 9,5 ngày.

Bước 3. Ban hành quyết định phê duyệt KQTD báo cáo ĐTM

- LĐ UBND xã: xem xét ký các Văn bản xin ý kiến cơ quan/tổ chức/chuyên gia phục vụ công tác phê duyệt (trong trường hợp cần thiết); phiếu trình, dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Văn thư UBND Xã: phát hành các Văn bản ngay sau khi được ký, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân thông qua TTPVHCC hoặc đơn vị trả kết quả.

- Thời hạn giải quyết: 4,5 ngày.

Lưu ý: Tổng thời gian xử lý tại các bước nêu trên không được vượt quá thời gian xử lý TTHC theo quy định.

CÁC MẪU VĂN BẢN

Mẫu số 02. Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm.....

V/v đề nghị thẩm định báo cáo
đánh giá tác động môi trường
của (2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án (2) (thông tin như Phụ lục đính kèm).

Dự án (2) đã được ... phê duyệt/chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phê duyệt/chấp thuận chủ trương đầu tư)*.

Hoặc Dự án (2) đã được ... cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư *(đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)*.

Dự án (2) thuộc thẩm quyền phê duyệt đầu tư của

Địa điểm thực hiện dự án (2):

Địa chỉ liên hệ của (1):

Điện thoại:; E-mail:

Dự án (2) thuộc số thứ tự ... Phụ lục III hoặc số thứ tự ... Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

Chúng tôi xin gửi đến (3) bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2) kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục, nếu nộp trực tiếp).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA (1)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Họ và tên**Nơi nhận:**

- Như trên;

-;

- Lưu: ...

Ghi chú:

(1) Chủ dự án đầu tư;

(2) Tên dự án;

(3) Cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định.

Phụ lục

(Kèm theo Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (1))

1. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo liệt kê tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP):

1.1. Là loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: ☐

Công suất: Lớn ☐ Trung bình ☐ Nhỏ ☐

1.2. Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: ☐

- Dự án quan trọng quốc gia ☐ Nhóm A ☐ Nhóm B ☐ Nhóm C ☐

- Quy mô diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước (theo liệt kê tại Phụ lục III hoặc Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

Lớn ☐ Trung bình ☐ Nhỏ ☐

- Thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển để lấn biển theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo:

Bộ NN&MT ☐ Chủ tịch UBND cấp tỉnh ☐

- Thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác và sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước:

Bộ NN&MT ☐ Chủ tịch UBND cấp tỉnh ☐

2. Yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án:

- Nằm trên phường của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị: Có ☐ Không ☐

- Có sử dụng đất, đất có mặt nước của: khu bảo tồn thiên nhiên ☐; rừng đặc dụng ☐; rừng phòng hộ ☐; đất có rừng tự nhiên ☐; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản ☐; vùng đất ngập nước quan trọng ☐; khu dự trữ sinh quyển ☐; di sản thiên nhiên thế giới ☐; thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7a Phụ lục III Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ☐

- Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của: khu bảo tồn thiên nhiên ☐; di sản thiên nhiên thế giới ☐; khu dự trữ sinh quyển ☐; vùng đất ngập nước quan trọng ☐; rừng đặc dụng ☐; rừng phòng hộ ☐; đất có rừng tự nhiên ☐; thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7b Phụ lục III Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ☐

- Có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt: Có ☐ Không ☐

- Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: Có ☐ Không ☐

3. Thông tin khác:

- Dự án có xả nước thải vào công trình thủy lợi: Có ☐ Không ☐

+ Tên công trình thủy lợi:.....

+ Tên cơ quan nhà nước quản lý nhà nước về thủy lợi:

- Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 26a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP: Có ☐ Không ☐

- Trường hợp Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 26a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP cần xác định rõ:

+ Phân cấp theo quy định tại điểm a khoản 1: ☐

+ Phân cấp theo quy định tại điểm b khoản 1: ☐

+ Phân cấp theo quy định tại điểm c khoản 1: ☐

+ Phân cấp theo quy định tại điểm d khoản 1: ☐

- Dự án đề nghị xác nhận thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ: Có ☐ Không ☐

- Dự án nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên: Có ☐ Không ☐

- Dự án nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của UBND cấp tỉnh: Có ☐ Không ☐

Mẫu số 04. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường

CƠ QUAN CẤP TRÊN CỦA CHỦ DỰ ÁN
(1)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án (2)

CHỦ DỰ ÁN (*)
(Chữ ký, đóng dấu)

Họ và tên

Địa danh (**), tháng ... năm ...

Ghi chú:

(1) Tên chủ dự án;

(2) Tên dự án;

(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa;

(**) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Mô tả khái quát về xuất xứ của dự án, trong đó nêu rõ: căn cứ đề xuất dự án, loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có phê duyệt, chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án phải có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

2.2. Liệt kê các quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Tóm tắt việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án kèm theo danh sách của những người tham gia thực hiện ĐTM.

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

Liệt kê các phương pháp ĐTM và các phương pháp khác được sử dụng (nếu có).

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

5.1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư; tổ chức xác nhận, chủ thể phát hành trái phiếu xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh).

5.1.2. Quy mô, công suất.

5.1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có); thông tin cơ bản về sản phẩm (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh).

5.1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; nêu rõ cả hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có)).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

5.1.6. Nội dung đề nghị xác nhận đã đáp ứng các tiêu chí môi trường (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh).

Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư theo quy định tại cột số (2), thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc mang lại lợi ích về môi trường theo quy định tại cột số (3) hoặc cột số (4) Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

5.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải.
- Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

5.3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.
- Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải nguy hại.

5.3.1.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

5.3.1.4. Các tác động khác (nếu có)

- Nêu rõ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Nêu rõ tác động của hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Tác động khác (nếu có).

5.3.2. Giai đoạn vận hành

5.3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải.

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

5.3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

- Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải nguy hại.

5.3.2.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

5.3.2.4. Các tác động khác (nếu có)

- Nêu rõ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Tác động khác (nếu có).

(Trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư thì nội dung dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh của phân kỳ sau phải kế thừa, cập nhật nội dung nêu trên của các phân kỳ trước đó của dự án).

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Nêu các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường theo các giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành của dự án hoặc của từng phân kỳ đầu tư (nếu có), cụ thể như sau:

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

5.4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

5.4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

5.4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

5.4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

5.4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật

cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

5.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

5.4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

5.4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

5.4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

5.4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước); biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) đối với hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có).

5.4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5.4.4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

5.4.4.6. Các công trình, biện pháp khác (nếu có).

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

Chương 1 THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

- Tên dự án.

- Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; tiến độ thực hiện dự án.

- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án.

- Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án.

- Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (kèm theo sơ đồ).

- Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án.

- Phạm vi:

- + Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; nêu rõ cả hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có)).

- + Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

Liệt kê các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

- Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.

- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp,...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

- Các hoạt động của dự án.

- Các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh học; công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, xói lở, bồi lắng, nhiễm mặn, nhiễm phèn (nếu có).

- Biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) đối với hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (nếu có).

- Các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có).

- Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động phải có các thông tin về hiện trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất

hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; sự kết nối giữa các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

Liệt kê các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án.

Đối với dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, phải làm rõ về nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu; tỷ lệ, khối lượng phế liệu sử dụng được nhập khẩu và thu mua trong nước, đề xuất khối lượng phế liệu nhập khẩu khi dự án vận hành theo công suất thiết kế của dự án.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Mô tả về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

Mô tả về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Chương 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Tổng quan các điều kiện tự nhiên có tính đặc trưng của khu vực thực hiện dự án (nêu rõ nguồn thông tin sử dụng), bao gồm: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn.

- Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án, gồm: sinh kế chủ yếu, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán của người dân (tập trung vào các đối tượng bị chiếm dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biên trong phạm vi dự án hoặc có sinh kế bị ảnh hưởng bởi dự án).

2.2. Hiện trạng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Hiện trạng môi trường

Thu thập, tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án; môi trường nước mặt, nước biển, nước dưới đất, môi trường đất có khả năng bị tác động bởi việc xả nước thải ra môi trường của dự án.

Tổng hợp dữ liệu thu thập để đánh giá hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Thu thập, tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về đa dạng sinh học tại khu vực dự án và xung quanh dự án, lưu ý đến các hệ sinh thái tự nhiên (hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển); các loài nguy cấp, quý, hiếm; các loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có).

Đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng sử dụng đất, đất có mặt nước của một trong các khu vực sau: rừng đặc dụng, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khu bảo tồn thiên nhiên; vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển; vùng lõi của di sản thiên nhiên thế giới; vùng đất ngập nước quan trọng; rừng tự nhiên hoặc rừng phòng hộ phải có thêm số liệu điều tra, khảo sát đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước tại khu vực dự án, lưu ý đến hệ sinh thái tự nhiên (hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển); các loài nguy cấp, quý, hiếm; các loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có).

2.2.3. Hiện trạng lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước); hiện trạng sông, suối, kênh, mương, rạch (đối với dự án có hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch nhưng có biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

Thu thập, tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về dòng chảy, hiện trạng lòng bờ, bãi sông, hồ; hiện trạng sông, suối, kênh, mương, rạch tại khu vực thực hiện dự án.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Liệt kê, mô tả các đối tượng bị tác động bởi dự án và các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án (chỉ áp dụng đối với dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường)

Thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

- Các tác động môi trường liên quan đến chất thải:

- + Tác động do nước thải;
- + Tác động do bụi, khí thải;
- + Tác động do chất thải rắn sinh hoạt;
- + Tác động do chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- + Tác động do chất thải nguy hại.

- Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung.

- Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác (nếu có).

- Tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có).

- Đối với dự án có hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (*Khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, hồ; Nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa, trừ duy tu, bảo dưỡng định kỳ các tuyến đường thủy nội địa hiện có; Kè bờ, gia cố bờ sông, hồ, nắn sông trừ công trình kè bờ, chỉnh trị sông để phòng chống thiên tai; Cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông, hồ; Xây dựng công trình, vật kiến trúc nổi trên sông, hồ và các công trình sử dụng đất có mặt nước; Xây dựng cầu, cảng sông, bến tàu, phà tiếp nhận tàu, âu tàu và các công trình thủy khác*): phải đánh giá cụ thể các tác động đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, hồ và các vùng đất ven sông, hồ; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ trong mùa lũ; diễn biến bồi lắng, sạt lở lòng, bờ bãi; sự suy giảm mực nước trong mùa cạn và ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác nước trên sông, hồ. Khuyến khích đánh giá tác động được thực hiện thông qua phương pháp mô hình toán và nội dung về kết quả tính toán của mô hình áp dụng lấy thêm ý kiến của tổ chức chuyên môn phù hợp (được chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và có lĩnh vực được chứng nhận phù hợp với tính chất của mô hình).

Trường hợp khai thác cát, sỏi, nạo vét, khơi thông luồng, kè bờ, xây dựng công trình trên sông, ven sông khác nhau thì việc đánh giá được thực hiện theo các phương án khác nhau tương ứng với từng kịch bản về dòng chảy lũ, kiệt khác nhau, bao gồm cả kịch bản bất lợi nhất trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án.

Yêu cầu:

- Với mỗi tác động cần xác định quy mô tác động để tập trung dự báo, đánh giá và giảm thiểu các tác động chính, đặc thù của loại hình và vị trí dự án.

- Đối với tác động có liên quan đến chất thải:

+ Mô tả nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải, bụi và khí thải; so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Mô tả thông tin về không gian và thời gian tác động của các chất thải này;

+ Mô tả nguồn phát sinh của chất thải rắn sinh hoạt; thông tin về không gian và thời gian tác động của chất thải này;

+ Mô tả nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Mô tả thông tin về không gian và thời gian tác động của các chất thải này.

- Đối với tác động không liên quan đến chất thải: cần nêu cụ thể các tác động và đối tượng bị tác động.

- Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các nội dung chính sau đây:

+ Đánh giá tác động đến môi trường của việc chiếm dụng đất, mặt nước, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa (nếu có);

+ Tác động đến đa dạng sinh học, bao gồm: làm mất, thu hẹp, chia cắt, phân mảnh, cô lập đối với các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển và sinh cảnh của loài nguy cấp, quý, hiếm, loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, (nếu có); làm giảm số loài, quần thể các loài, số lượng cá thể của loài nguy cấp, quý, hiếm, loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có);

+ Khai thác, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị (nếu thuộc phạm vi dự án);

+ Thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có công trình xây dựng);

+ Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước,...).

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

- Đối với nước thải: chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

+ Nguồn tiếp nhận; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có).

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại: quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Đối với bụi, khí thải: các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: các công trình, biện pháp giảm ồn, rung.

- Đối với xói lở, bồi lắng, nước mưa chảy tràn (nếu có): quy mô, vị trí, biện pháp ngăn ngừa xói lở, bồi lắng, kiểm soát nước mưa chảy tràn.

- Đối với các tác động đến đa dạng sinh học: các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học và phục hồi, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

- Đối với dự án có hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: phải luận chứng, thuyết minh làm rõ việc đáp ứng các yêu cầu bảo vệ lòng bờ, bãi sông, hồ theo quy định và lựa chọn, đề xuất phương án thực hiện để bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ bao gồm phạm vi, quy mô, thời gian thực hiện và các cam kết trong quá trình thực hiện nhằm giảm thiểu các tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ.

- Đối với dự án có hoạt động lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch: phải thuyết minh làm rõ biện pháp khắc phục (không gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước, khai thác, sử dụng nước) theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Việc đánh giá tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải:

- + Mô tả nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải, bụi và khí thải; so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Mô tả thông tin về không gian và thời gian tác động của các chất thải này;

- + Mô tả nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; thông tin về không gian và thời gian tác động của chất thải này;

- + Mô tả nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường và nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải nguy hại. Mô tả thông tin về không gian và thời gian tác động của các chất thải này.

- Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung.

- Đánh giá, dự báo tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác (nếu có).

Tác động đến đa dạng sinh học, bao gồm: làm mất, thu hẹp, chia cắt, phân mảnh, cô lập đối với các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển và sinh cảnh của loài nguy cấp, quý, hiếm, loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có); làm giảm số loài, quần thể các loài, số lượng cá thể của loài nguy cấp, quý, hiếm, loài đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (nếu có).

- Đối với dự án có hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: đánh giá cụ thể các tác động tới việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, hồ và các vùng đất ven sông, hồ; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, khả năng tiêu, thoát lũ trong mùa lũ; diễn biến bồi lắng, sạt lở lòng, bờ bãi; sự suy giảm mực nước trong mùa cạn và ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác nước trên sông, hồ.

- Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

Yêu cầu: trên cơ sở kết quả đánh giá các tác động tại Mục 3.2.1 nêu trên, chủ dự án phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp (trên cơ sở liệt kê, so sánh các thiết bị, công nghệ đang được sử dụng), đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Đối với công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác)

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải.

- Các thông số cơ bản của công trình xử lý nước thải.

- Nguồn tiếp nhận; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có).

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

b) Đối với công trình xử lý bụi, khí thải

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải.

- Các thông số cơ bản của công trình xử lý bụi, khí thải.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có).

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

c) Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình quản lý, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của công trình quản lý, xử lý chất thải.

d) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung)

đ) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Mô tả phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tương ứng với các nội dung đã được nhận dạng tại mục 3.2.1 ở trên.

- Trường hợp phải xây dựng, lắp đặt công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải phải có thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các thông số cơ bản của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

e) Công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu với các dự án thủy điện, hồ chứa nước

g) Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác tới môi trường (nếu có)

h) Các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học và phục hồi, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

i) Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông hồ đối với dự án có hoạt động có nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo về các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư đến môi trường.

Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ

liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ thực hiện ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

Chương 4

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

(Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học)

4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản

4.1.1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; quy hoạch sử dụng đất sau khai thác (nếu có) tổ chức, cá nhân phải xây dựng tối thiểu 02 phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi.

- Đối với mỗi phương án cải tạo, phục hồi môi trường đưa ra cần làm rõ các nội dung sau:

+ Xác định thời điểm, nội dung thực hiện một phần công tác cải tạo, phục hồi môi trường (ngay trong quá trình khai thác) đối với các hạng mục công trình mỏ (công trình phụ trợ khai thác, bãi thải mỏ,...) và khu vực khai thác (trường hợp mỏ khai thác theo hình thức “cuốn chiếu”, có thể thực hiện được công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng);

+ Xác định các hạng mục công trình mỏ, các hạng mục công việc cần cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực khai thác (moong khai thác đối với mỏ lộ thiên; hệ thống đường lò/giếng thông gió, vận chuyển, lò chột... đối với mỏ hầm lò) trong giai đoạn đóng cửa mỏ (thời điểm kết thúc khai thác mỏ theo dự án đầu tư đã lập);

+ Mô tả các giải pháp, công trình và khối lượng, kinh phí để cải tạo, phục hồi môi trường; lập bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: tác động liên quan đến chất thải, tác động không liên quan đến chất thải như: cảnh quan, sinh thái sạt lở, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...) và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu.

- Tính toán “chỉ số phục hồi đất” cho các phương án lựa chọn. Trên cơ sở đánh giá và so sánh “chỉ số phục hồi đất” và ưu điểm, nhược điểm của các phương án, lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

4.1.2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thiết kế các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

4.1.3. Kế hoạch thực hiện

- Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
1	Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy moong khu A						
2	Trồng cây khu A						
...	...						

4.1.4. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

4.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án chôn lấp chất thải

4.2.1. Lựa chọn giải pháp cải tạo môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình xử lý chất thải, ảnh hưởng của quá trình xử lý chất thải đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường.

- Việc cải tạo môi trường thực hiện theo quy định có liên quan.

- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo môi trường. Xây dựng bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp chất thải sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, sự cố môi trường,...) để lựa chọn phương án cải tạo môi trường.

4.2.2. Nội dung cải tạo môi trường

Từ giải pháp cải tạo môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo môi trường.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo môi trường.

- Lập bảng các công trình cải tạo môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường.

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế cơ sở.

4.2.3. Kế hoạch thực hiện

Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo môi trường.

Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo môi trường.

Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực ô chôn lấp chất thải						
1	Hệ thống xử lý nước thải						
2	Hệ thống xử lý khí thải						
3	Hệ thống quan trắc, giám sát môi trường						
...	...						

4.2.4. Dự toán chi phí cải tạo môi trường

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

4.3. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

- Trường hợp chủ dự án đầu tư có chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học theo phương án trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học khác (nếu có).

Chương 5

THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

(Chỉ yêu cầu đối với các dự án đề nghị xác nhận thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Chủ dự án đầu tư thực hiện theo Mẫu báo cáo thuyết minh dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

Chương 6

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

6.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
Thi công, xây dựng				
Vận hành				
Cải tạo phục hồi môi trường (đối với các dự án khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải)				

6.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án

Chương trình quan trắc, giám sát môi trường phải được đặt ra cho quá trình thực hiện dự án, được thiết kế cho các giai đoạn: (1) Thi công, xây dựng; (2) Dự kiến khi vận hành và (3) Cải tạo phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải), cụ thể như sau:

- Quan trắc nước thải và khí thải: lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải trước và sau xử lý; vị trí các điểm quan trắc phải được mô tả rõ.

- Quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải và truyền số liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương (đối với trường hợp phải lắp đặt).

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại: giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định,...

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ hoặc một số loại hình đặc thù theo yêu cầu của cơ quan phê duyệt; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ.

- Quan trắc, giám sát môi trường khác (nếu có).

- Đối với giai đoạn vận hành dự án, chương trình quản lý và giám sát môi trường có thể được điều chỉnh trong quá trình cấp giấy phép môi trường (nếu có).

Chương 7

KẾT QUẢ THAM VẤN

7.1. Tham vấn cộng đồng

7.1.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

7.1.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử: cơ quan quản lý trang thông tin điện tử; đường dẫn trên internet tới nội dung được tham vấn; thời điểm và thời gian đăng tải theo quy định

7.1.1.2. Tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp

a) Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến: thời điểm, thời gian niêm yết báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan; thời điểm họp tham vấn; số lượng tham dự họp tham vấn.

b) Tham vấn bằng văn bản thông qua phiếu lấy ý kiến (nếu có): số phiếu gửi lấy ý kiến tham vấn; số phiếu phản hồi; số phiếu không phản hồi trong thời gian quy định kèm theo minh chứng đã gửi phiếu lấy ý kiến tham vấn đến cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

c) Tổng hợp quá trình tham vấn

Lưu ý: Ghi rõ số lượng người chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư; số lượng đã tham dự cuộc họp tham vấn cộng đồng; số lượng phản hồi phiếu lấy ý kiến; số lượng không tham gia cho ý kiến trong thời hạn quy định kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến tham vấn.

7.1.1.3. Tham vấn bằng văn bản: liệt kê các văn bản do chủ dự án gửi đến các cơ quan, tổ chức để tham vấn và văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được tham vấn (nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của các văn bản); nêu rõ lý do không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của cơ quan, tổ chức được tham vấn trong thời gian quy định kèm theo minh chứng về việc đã gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức này.

7.1.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Lập bảng thể hiện các ý kiến, kiến nghị của đối tượng được tham vấn và giải trình việc tiếp thu kết quả tham vấn, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể như bảng sau:

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng tham vấn
I	Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử		
1.	Ghi cụ thể các ý kiến góp ý		
2.			
...			
II	Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến		
1.	Về vị trí thực hiện dự án đầu tư		
2.	Về tác động môi trường của dự án đầu tư		
3.	Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường		

4.	Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		
5.	Các nội dung khác		
III Tổng hợp ý kiến thông qua phiếu lấy ý kiến			
1.	Về vị trí thực hiện dự án đầu tư		
2.	Về tác động môi trường của dự án đầu tư		
3.	Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường		
4.	Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		
5.	Nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư		
6.	Kiến nghị đối với Chủ dự án		
IV Tham vấn bằng văn bản			
1.	Ghi cụ thể các ý kiến góp ý		
2.			
...			

7.2. Tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức chuyên môn (nếu có)

Mô tả việc tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức chuyên môn về kết quả tính toán của mô hình (nếu có).

Lập bảng thể hiện các ý kiến, kiến nghị của các chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức chuyên môn và giải trình việc tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường (các văn bản liên quan đến tham vấn được chuyên gia, nhà khoa học được đính kèm tại Phụ lục III).

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học
I	Tham vấn chuyên gia, nhà khoa học		
1			
2			
II	Tham vấn tổ chức chuyên môn về kết quả tính toán của mô hình		
1			
2			

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận: phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; các biện pháp giảm thiểu tác động tương ứng;

các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

2. Kiến nghị: kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án (nếu có).

3. Cam kết của chủ dự án đầu tư

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Chỉ liệt kê các tài liệu có sử dụng để trích dẫn trong báo cáo ĐTM)

PHỤ LỤC I

- Bản sao các văn bản của cấp có thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (*chỉ yêu cầu đối với Dự án mà các văn bản này chưa được số hóa, cập nhật vào kho quản lý dữ liệu điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh hoặc kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên cổng dịch vụ công quốc gia*).

- Đối với dự án khai thác khoáng sản phải có thêm các bản vẽ sau đây: Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

PHỤ LỤC II

- Dự thảo bản vẽ công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).
- Thuyết minh và kết quả tính toán của các mô hình sử dụng (nếu có).

PHỤ LỤC III

Bản sao của các hồ sơ sau:

- Các văn bản của chủ dự án gửi lấy ý kiến tham vấn.
- Các văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được tham vấn.

- Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân.
- Văn bản tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học và bản nhận xét của các chuyên gia hoặc biên bản họp hội thảo tham vấn chuyên gia (nếu có).
- Văn bản tham vấn các tổ chức chuyên môn (nếu có).
- Văn bản cho ý kiến về kết quả tính toán của mô hình (nếu có).

Lưu ý:

- Nội dung của báo cáo ĐTM được hướng dẫn theo mẫu chung trên đây. Tùy từng dự án cụ thể, nội dung của báo cáo ĐTM có thể được bổ sung thêm các nội dung đặc thù hoặc lược bỏ những nội dung không liên quan.
- Các trích dẫn trong báo cáo ĐTM phải chỉ rõ nguồn.

Mẫu số 09a. Đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ dự án

(Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

V/v đề nghị phê duyệt kết quả
thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường của (2)

(Địa danh), ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án (2).

Căn cứ Văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và Biên bản họp hội đồng thẩm định kèm theo của (3).

(1) xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2) được đóng quyển, (1) ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục (nếu nộp trực tiếp) hoặc tệp văn bản điện tử của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục được (1) ký số (nếu nộp trực tuyến).

- Chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung biên bản họp hội đồng thẩm định (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA (1)

*(Ký, ghi rõ họ tên,
chức vụ và đóng dấu)*

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Chủ dự án đầu tư;

(2) Tên dự án;

(3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Phụ lục VII

**MẪU VĂN BẢN TRẢ LỜI CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐƯỢC LẤY
Ý KIẾN THAM VẤN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

(1)

Số:...

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: (3)

(1) nhận được Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (3) xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án (2). Sau khi xem xét, (1) có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư
2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư
3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường
4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường
5. Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

Trên đây là ý kiến của (1) gửi (3) để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Ghi chú: (1) Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến tham vấn; (2) Tên dự án; (3) Chủ dự án.

Mẫu số 04a. Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp
(ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án:

Thời gian họp: ngày tháng năm

Địa chỉ nơi họp:

1. Thành phần dự họp:

1.1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án chủ trì cuộc họp và chỉ định người ghi biên bản cuộc họp.

1.2. Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

1.3. Thành phần dự họp: (Cộng đồng người gồm các cá nhân thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú sinh sống tại địa bàn thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự tại nơi triển khai dự án đầu tư; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại khu vực đất, mặt nước, đất có mặt nước, khu vực biển nơi triển khai dự án đầu tư).

Lưu ý:

- Số lượng đã mời tham dự cuộc họp.

- Lập bảng danh sách ghi rõ họ tên, chức vụ/ngành nghề, địa chỉ, chữ ký của những người dự họp.

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp (yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của cuộc họp; ghi đầy đủ, trung thực các ý kiến của cộng đồng dân cư, cá nhân, những nội dung mà chủ đầu tư cam kết tiếp thu và giải trình).

2.1. Người chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần dự họp

2.2. Đại diện chủ dự án trình bày nội dung tham vấn (Nội dung tham vấn theo quy định tại Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư, cá nhân về các nội dung tham vấn

2.4. Đại diện chủ dự án tiếp thu, giải trình rõ các ý kiến của cộng đồng, cá nhân (nêu rõ các nội dung sẽ tiếp thu, giải trình về các nội dung tham vấn; các cam kết của Chủ dự án).

3. Đại diện Chủ dự án đề xuất việc tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân không tham gia cuộc họp tham vấn thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến

- Dự kiến thời gian gửi phiếu lấy ý kiến.

- Dự kiến thời điểm kết thúc lấy ý kiến.

Sau thời điểm kết thúc lấy ý kiến, Chủ dự án cam kết cung cấp thông tin về số lượng phiếu lấy ý kiến tham vấn đã gửi và số lượng phiếu lấy ý kiến tham vấn nhận

được cho Ủy ban nhân dân cấp xã để có ý kiến trong Văn bản trả lời tham vấn theo quy định tại điểm c và d khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

4. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp

ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ

(Chữ ký)

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN

(Chữ ký)

Họ và tên

Họ và tên